

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---- o0o ----

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ
Năm 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty: Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Tên tiếng Anh: HONG HA STATIONERY JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HONG HA JSC

Logo:



Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100216 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016

Vốn điều lệ: 58.961.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ chín trăm sáu mươi một triệu đồng chẵn)

Trụ sở chính: 25 Lý Thường Kiệt - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Địa điểm 2: 672 Ngô Gia Tự - Quận Long Biên - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3652 3332 – Fax: (84.4) 3652 4351

Website: <http://www.vpphongha.com.vn>

Mã cổ phiếu: HHA - Sàn giao dịch: UPCOM

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (Công ty) trước đây là Nhà máy Văn phòng phẩm Hồng Hà, nhà máy sản xuất đồ dùng văn phòng đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập theo Quyết định số 2406/BCN/TC ngày 21/10/1959 của Bộ Công nghiệp.
- Theo Quyết định số 1014QĐ/TCLĐ ngày 28/07/1995 của Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công thương), Nhà máy văn phòng phẩm Hồng Hà chính thức đổi thành Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà.
- Ngày 02/08/1995, Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà chính thức gia nhập Tổng Công ty Giấy Việt Nam. Từ đây, Công ty có điều kiện hội nhập với ngành Giấy, mở ra hướng phát triển mới cho Công ty.

- Với tư duy năng động của lãnh đạo, lại được Tổng công ty Giấy Việt Nam giúp đỡ và tạo điều kiện về cơ chế và vốn. Từ năm 1999, Công ty đã mạnh dạn tập trung nghiên cứu sản xuất các mặt hàng giấy vớ; từng bước hoàn thiện công nghệ, thiết bị cả về chiều rộng và chiều sâu nên sản phẩm chủng loại trở nên đa dạng. Chỉ trong một thời gian ngắn, các dây chuyền sản xuất vớ, sổ các loại, đồ dùng văn phòng và các loại bút mới: bút bi, bút chì, bút dạ kim,... được đưa vào hoạt động. Sản phẩm của Công ty liên tục được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao”; thương hiệu Hồng Hà đạt giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” và là một trong 100 thương hiệu mạnh toàn quốc.
- Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà được phê duyệt phương án chuyển đổi thành Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 25/8/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Kể từ sau cổ phần hóa đến nay, với tư duy cởi mở, năng động, sáng tạo, chủ động trong công tác điều hành, Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã có những tiến bộ vượt bậc trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). Nếu như năm 2006, tổng doanh thu của Công ty mới đạt 183,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6,014 tỷ thì sang đến năm 2015, tổng doanh thu của Công ty đã chạm mốc 520 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 55,49 tỷ đồng. Cùng với hiệu quả SXKD, thu nhập của cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng được đảm bảo.

Các sự kiện khác:

Ngày 21/10/2015, Tổng công ty Giấy Việt Nam đã thực hiện chào bán thành công phần vốn Nhà nước tại Công ty. Số lượng chào bán thành công là 2.450.085 cổ phần, tương đương 41,55% vốn điều lệ Công ty. Như vậy, kể từ ngày 21/10/2015, Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã chính thức không còn vốn của cổ đông Nhà nước.

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100100216 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016; theo Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (có hiệu lực từ 01/07/2015); theo Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà kinh doanh các ngành hàng:
 - Văn phòng phẩm và đồ dùng học sinh các loại.
 - Giấy và các sản phẩm từ giấy.
 - Nhựa và các sản phẩm từ nhựa.
 - Kim loại và các sản phẩm từ kim loại.
 - Kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà xưởng, văn phòng.
- Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100100216 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016, Công ty có trụ sở chính tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và có các Chi nhánh và Địa điểm kinh doanh, địa chỉ như sau:

Tên chi nhánh

- Chi nhánh Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng – Mã số chi nhánh 0100100216-010

- Chi nhánh Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Thành phố Hồ Chí Minh - Mã số chi nhánh 0100100216-004

Địa chỉ

23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên địa điểm kinh doanh

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 2

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 3

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 4

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 5

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 6

Địa chỉ

Số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ki ốt 14-15-16-17 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tầng 1 - TTTM Vincom Center Long Biên, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

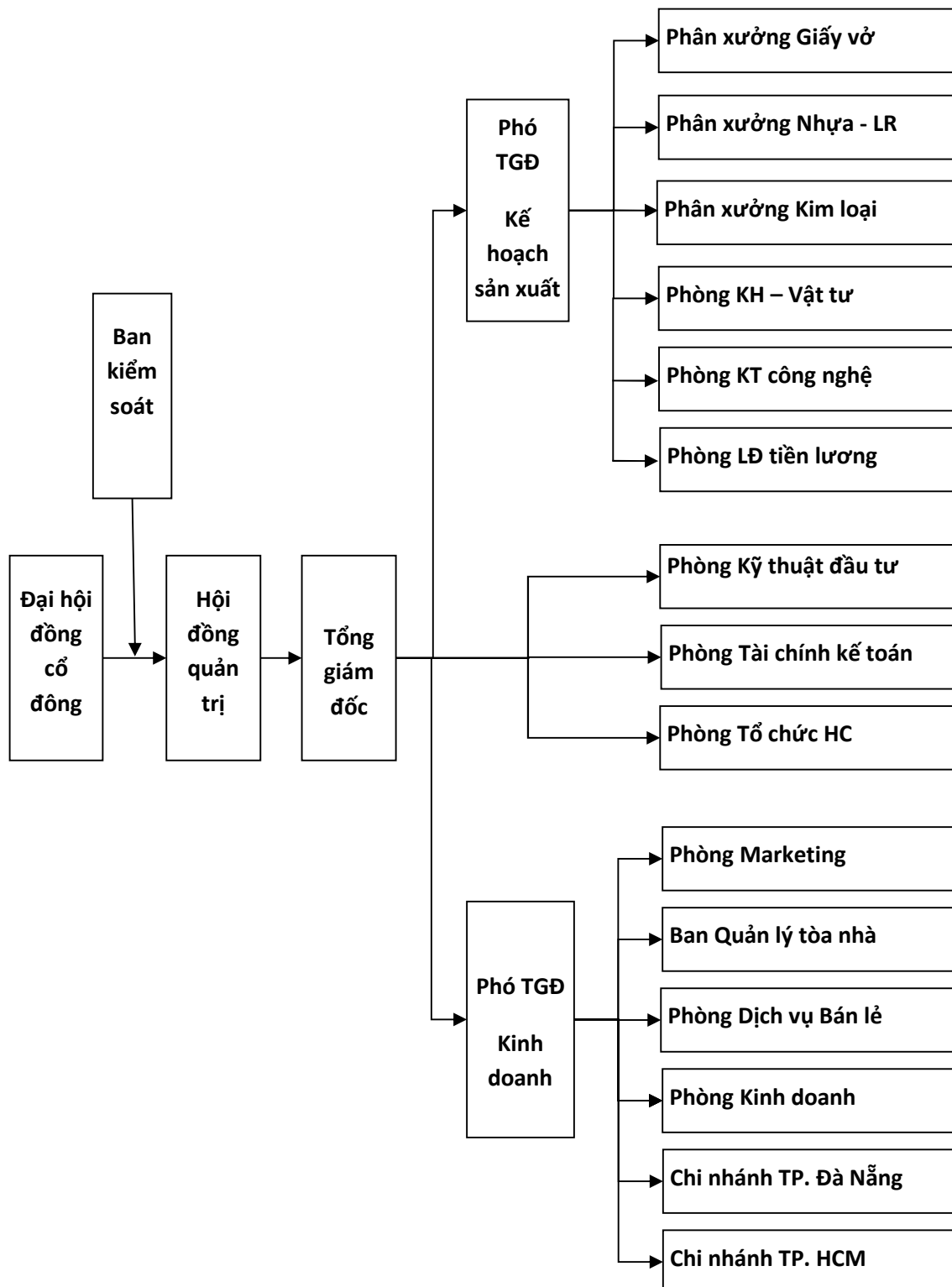
Gian hàng B1-R4-66 TTTM Vincom Megamall Royal City, 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số 375 Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu Bộ máy quản lý

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (có hiệu lực từ 01/07/2015) của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Sơ đồ Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý
Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại thời điểm 31/12/2015



- **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty đã được kiểm toán và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

- **Ban kiểm soát:**

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát (BKS) có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Ban kiểm soát là cơ quan giúp các cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và quản lý điều hành Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2015, Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Ông Trần Đăng Khánh - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Bùi Tuấn Hải - Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Nguyễn Ngọc Lan - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày 15/01/2016, ĐHĐCĐ bất thường Công ty đã tiến hành bầu lại Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ thành viên 2016-2021, bao gồm:

1. Ông Nông Văn Quyết - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Tạ Quốc Bình - Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Bùi Thị Thủy - Thành viên Ban kiểm soát

- **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị (HĐQT) có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc (TGD) và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Tại thời điểm 31/12/2015, HĐQT bao gồm:

1. Ông Trương Quang Luyến - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2. Ông Bùi Kỳ Phát - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Bà Đào Thị Mai Hạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Hưng - Thành viên
5. Ông Võ Sỹ Dờng - Thành viên

Ngày 15/01/2016, ĐHĐCĐ bất thường Công ty đã tiến hành bầu lại HĐQT Công ty nhiệm kỳ thành viên 2016-2021, bao gồm:

1. Ông Trương Quang Luyến - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2. Ông Bùi Kỳ Phát - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Bà Đào Thị Mai Hạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Hưng - Thành viên
5. Ông Võ Sỹ Dờng - Thành viên
6. Ông Bùi Quốc Giang - Thành viên
7. Ông Phan Hưng - Thành viên

- **Tổng giám đốc:**

Tổng giám đốc là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động SXKD của Công ty. Tổng giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động SXKD Công ty.

- **Phó Tổng giám đốc:**

Các Phó Tổng giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc và điều hành hoạt động tại các lĩnh vực trong Công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Đến 31/12/2015, Công ty có 02 Phó Tổng giám đốc phụ trách các mảng sản xuất, kinh doanh.

- **Ban điều hành:**

Ban điều hành (BDH) là cơ quan điều hành mọi hoạt động SXKD cũng như các hoạt động hàng ngày khác của Công ty. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban điều hành Công ty gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu năm 2015:

- Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ thoả mãn nhu cầu và hàm chứa yếu tố trách nhiệm xã hội, thân thiện với môi trường.
- Không ngừng đầu tư phát triển thương hiệu “Hồng Hà” gắn liền với việc học tập và vì sức khoẻ học đường. Không ngừng đầu tư nghiên cứu thị trường văn phòng phẩm, phát triển các sản phẩm văn phòng phẩm phục vụ khối tổ chức, doanh nghiệp.
- Tôn trọng và tạo cơ hội phát triển cho mọi thành viên trong Công ty, đồng thời nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy tổ chức và nhân sự sao cho hiệu quả nhất.
- Coi các nhà cung cấp nguyên vật liệu, bán thành phẩm, công ty vệ tinh, nhà phân phối, các đối tác đầu tư dự án ... là đối tác chiến lược của Công ty.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.
- Kế hoạch SXKD năm 2015:

+ Doanh thu : 508 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế : 28 tỷ đồng

- Tiếp tục triển khai lập dự án đầu tư và xin cấp phép xây dựng tại ô số 3 khu 94 phố Lò Đúc - Hà Nội.
- Áp dụng hệ thống quản lý phần mềm ERP.
- Ổn định chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã công bố, tạo uy tín và sự phát triển bền vững cho Công ty.
- Ổn định tổ chức phát triển thị trường, tăng độ bao phủ hàng hoá tại hai thị trường miền Trung và miền Nam.

- Các chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập. Không ngừng đa dạng hoá ngành hàng, đa phương hoá nguồn hàng, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.
- Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà".
- Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô và kinh tế ngành

- Việt Nam đã hoàn tất quá trình đàm phán và đang trong quá trình thực hiện một loạt các hiệp định thương mại tự do (TPP, AEC, AVFTA), đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và với Công ty nói riêng. Trong đó, phải kể đến 2 xu hướng sẽ có tác động lớn tới mục tiêu phát triển của công ty gồm:
 - Các doanh nghiệp FDI sẽ gia nhập ngành hàng văn phòng phẩm và cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp cùng ngành hiện tại, trong đó có Hồng Hà tại thị trường Việt Nam.
 - Các sản phẩm văn phòng phẩm nhập ngoại sẽ xuất hiện nhiều hơn tại thị trường Việt Nam và sức cạnh tranh ngày càng tốt hơn do được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do.
- Khi thị phần, doanh thu, lợi nhuận bị ảnh hưởng thì các đối thủ cùng ngành hàng sẽ ngày càng tăng cường nguồn lực để tạo lợi thế trong cạnh tranh. Việc này sẽ khiến cho cuộc chiến trong ngành văn phòng phẩm tại thị trường Việt Nam ngày càng khốc liệt trên các khía cạnh như công nghệ, bán hàng, marketing ...

5.2. Rủi ro về luật pháp

- Việt Nam đã chính thức là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới và đang từng bước cải tổ hành lang pháp lý để phù hợp với thông lệ quốc tế. Nhưng do thời gian hoàn chỉnh, hướng dẫn thực hiện các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp. Là một Công ty Cổ phần nên Hồng Hà một mặt chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, mặt khác còn phải tuân thủ đầy đủ các văn bản có liên quan của Hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam như: các Luật thuế, Luật lao động ... Vì vậy, những biến động về pháp luật sẽ đều tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật, tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- Nhằm hạn chế rủi ro, Công ty luôn cập nhật thường xuyên các chính sách có liên quan để chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động Công ty. Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, theo sát, thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương Nhà nước, nắm bắt kịp thời các quy định mới của pháp luật, để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển SXKD dài hạn và phù hợp cho từng thời kỳ.

5.3. Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

- Hồng Hà phải mua nguyên vật liệu như giấy, bìa, nhựa, mực ... Các nguyên liệu này chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm (khoảng 78%-81%) nên sự biến động giá các nguyên liệu này sẽ có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận gộp của Công ty. Để khắc phục rủi ro này, những năm gần đây, Công ty đã chọn giải pháp ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu đầu vào lâu dài với các nhà cung cấp lớn nhằm mục đích có được nguồn nguyên liệu ổn định và giá cả hợp lý. Mặt khác Công ty luôn theo dõi sát sao các biến động giá cả trên thị trường để có những quyết định điều chỉnh kịp thời, tính toán kỹ lưỡng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ để có lượng nguyên vật liệu dự trữ hợp lý đáp ứng nhu cầu SXKD.

b. Rủi ro cạnh tranh trong cùng ngành

- Trên thị trường Việt Nam, ngoài Công ty Hồng Hà, hiện có một số công ty sản xuất và cung cấp văn phòng phẩm, đồ dùng học tập lớn là Công ty Cổ phần tập đoàn Thiên Long, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Bến Nghé, Công ty Cổ phần giấy Hải Tiến, Công ty cổ phần Vĩnh Tiến, ... Bên cạnh đó còn rất nhiều các doanh nghiệp tư nhân nhỏ lẻ khác cung cấp đồ dùng văn phòng phẩm, đặc biệt là các sản phẩm nhập khẩu theo đường tiểu ngạch của Trung Quốc. Hơn nữa, trong thời gian gần đây, các Công ty văn phòng phẩm nổi tiếng thế giới của Nhật Bản, Pháp, Đức, Thái Lan ... cũng đã và đang xây dựng thương hiệu của mình trên thị trường Việt Nam như: Plus, Kokuyo ... Thế mạnh vượt trội của Hồng Hà là Doanh nghiệp có trên 55 năm xây dựng và phát triển, am hiểu thị trường và người tiêu dùng Việt trong khi các đối thủ còn lại mới thành lập trong khoảng 10 năm gần đây. Hồng Hà đã xây dựng được một mạng lưới phân phối sản phẩm sâu và rộng trên khắp cả nước với gần 100 Nhà phân phối và trên 10.000 điểm bán lẻ, đặc biệt là khu vực phía Bắc. Bên cạnh đó, để tăng cường lợi thế cạnh tranh của mình, Hồng Hà không ngừng cải tiến mẫu mã, đầu tư công nghệ mới, tiên tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng, thân thiện với môi trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Công ty cũng chú trọng đầu tư cho công tác xây dựng và phát triển thương hiệu. Các thương hiệu sản phẩm giấy vở, bút các loại, văn phòng phẩm, ba lô túi cặp, đồng phục học sinh... đã được thị trường đánh giá cao, tạo được lòng tin trong tâm trí người tiêu dùng.

c. Rủi ro từ yếu tố công nghệ:

- Yếu tố công nghệ đóng vai trò quan trọng trong quản trị sản xuất của Công ty. Công nghệ mới góp phần không nhỏ trong việc tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Trong những năm gần đây, với sự tham gia thị trường của một số doanh nghiệp cùng ngành với vốn đầu tư ban đầu lớn, cộng thêm ưu thế về công nghệ đã làm nóng thị trường văn phòng phẩm, đồ dùng học sinh trong nước vốn đã cạnh tranh rất gay gắt. Thực tế này đặt ra cho Hồng Hà bài toán về cải tiến công nghệ cũ và áp dụng công nghệ mới trong sản xuất nhằm tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.

5.4. Rủi ro về tài chính

a. Rủi ro về tỷ giá

- Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu mua trong nước và sản phẩm lại chủ yếu bán cho người tiêu dùng Việt Nam nên trong quá trình hoạt động SXKD không phát sinh nhiều ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi trong việc điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá USD/VND và EUR/VND liên tục biến động đã không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty.

b. Rủi ro về lãi suất

- Mặc dù đã có sự tăng trưởng tốt trong năm 2015 nhưng nền kinh tế Việt Nam chưa hoàn toàn hồi phục so với thời kì trước khủng hoảng kinh tế, lạm phát và giá cả tiêu dùng có giảm nhưng sức mua cũng giảm.
- Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty cần sử dụng vốn vay để đáp ứng yêu cầu SXKD. Năm 2015, lãi suất đi vay có xu hướng ổn định ở mức thấp hơn so với những năm trước, đồng thời Công ty cũng tận dụng tối đa dòng tiền từ hoạt động SXKD của Công ty nên rủi ro lãi suất trong năm 2015 là không nhiều. Tuy nhiên, do lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào chính sách lãi suất của Nhà nước nên việc quản trị tốt các rủi ro về lãi suất luôn là một trong những chính sách tài chính quan trọng của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động SXKD

Thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2015:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Th/hiện năm 2014	Năm 2015		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH2015/TH2014	TH/KH 2015
1	2	3	4	5	6	(7) = 6/4	(8) = 6/5
1	Tổng doanh thu (DT)	Tr.đ	698.680	508.000	520.115	74,44%	102,38%
	Trong đó:						
*	<i>DT từ hạch toán một lần cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>	Tr.đ	211.314				
*	<i>DT từ SXKD</i>	Tr.đ	487.366	508.000	520.115	106,72%	102,38%
2	Giảm trừ DT	Tr.đ	22.306	23.300	20.922	93,80%	89,79%
3	Tổng DT sau giảm trừ	Tr.đ	676.374	484.700	499.193	73,80%	102,99%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	568.623	456.700	443.699	78,03%	97,15%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	107.751	28.000	55.494	51,50%	198,19%
	Trong đó:						
*	<i>LN từ hạch toán một lần cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>	Tr.đ	80.445		25.197		
*	<i>LN từ SXKD</i>	Tr.đ	27.306	28.000	30.297	110,95%	108,20%
6	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tr.đ	83.937	21.340	43.209	51,48%	202,48%
7	Tỷ suất LNST/DT	%	12,01%	4,20%	8,31%	69,15%	197,76%
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	142,36%	36,19%	73,28%	51,48%	202,48%
9	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	13.951	3.619	6.596	47,28%	182,26%
10	Lao động BQ (người/tháng)	Người	458	476	430	93,89%	90,34%
11	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	5.653	6.320	7.013	124,06%	110,97%
12	Cổ tức	%	20%	16%	25%	125,00%	156,25%

Ghi chú: Tr.đ: Triệu đồng; VĐL: Vốn điều lệ; BQ: Bình quân; 25 LTK: 25 Lý Thường Kiệt

Số liệu trong chỉ tiêu "Tổng doanh thu" và "Tổng chi phí" của năm 2014 là số liệu đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2015. Do năm 2015, Công ty thực

hiện hạch toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015). Việc phân loại này được Công ty trình bày cụ thể trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán.

Năm 2015, doanh thu của Công ty bằng 74,44% so với năm 2014. Tuy nhiên, lý do tổng doanh thu năm 2015 không bằng năm 2014 là do năm 2014 Công ty có 211,314 tỷ đồng doanh thu hạch toán một lần của Công ty Thuận An Building (khách thuê dài hạn tầng 3,4,5,6 của Công ty tại 25 Lý Thường Kiệt). Nếu không tính phần doanh thu dài hạn hạch toán một lần này thì doanh thu từ SXKD của Công ty năm 2015 đã tăng 6,72% so với năm 2014. Tương tự, lợi nhuận từ SXKD của Công ty năm 2015 cũng đã có mức tăng trưởng tương đối tốt là 10,95% so với năm 2014 và tăng 8,19% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Đến thời điểm 31/12/2015, Ban điều hành Công ty gồm 04 thành viên. Cụ thể:

- Ông Trương Quang Luyện - Tổng giám đốc
 - + Sinh năm: 1977
 - + Nguyên quán: Yên Bình - Yên Bái
 - + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 - + Quá trình công tác:
 - Là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 05/2008;
 - Là Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 12/2008;
 - Là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty từ tháng 07/2014 đến nay.
 - + Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2015): 108.289 cổ phần
- Bà Đào Thị Mai Hạnh - Phó Tổng giám đốc Kế hoạch sản xuất
 - + Sinh năm: 1963
 - + Nguyên quán: Vũ Thư - Thái Bình
 - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
 - + Quá trình công tác:
 - Là Quản đốc Phân xưởng Giấy vớ Công ty từ năm 2002;
 - Là TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 01/2006 đến nay.
 - + Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2015): 70.775 cổ phần
- Ông Hoàng Mạnh Ánh - Phó Tổng giám đốc Kinh doanh
 - + Sinh năm: 1976
 - + Nguyên quán: Ninh Bình
 - + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược marketing.
 - + Quá trình công tác:
 - Là Trưởng phòng Kinh doanh từ tháng 05/2009;
 - Là Phó Tổng giám đốc Kinh doanh từ 01/07/2014 đến nay.
 - + Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2015): 15.436 cổ phần
- Ông Nguyễn Quang Vũ - Kế toán trưởng
 - + Sinh năm: 1980

- + Nguyên quán: Hưng Yên
 - + Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - + Quá trình công tác:
 - Là Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty từ tháng 04/2010 đến 31/12/2014
 - Là Kế toán trưởng Công ty từ tháng 01/2015 đến nay
 - + Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2015): 6.174 cổ phần
- Nhân sự Ban điều hành Công ty không thay đổi trong suốt năm 2015

2.2. Lực lượng lao động và chính sách nhân sự

- Công tác nhân sự: nhân sự năm 2015 có sự biến động lớn với 119 lao động nghỉ chế độ và thôi việc, tuyển mới 97 lao động, tổng số lao động đến 31/12/2015 là 421 người. Công tác đào tạo cũng được triển khai theo kế hoạch với 127 lao động từ 12 phòng ban tham gia các khóa đào tạo thêm về nghiệp vụ và chuyên môn.
- Công tác tiền lương được triển khai đúng tiến độ, phù hợp với quy định của Nhà nước và Công ty. Thu nhập bình quân năm 2015 đạt 7.013.000 đồng/người/tháng, tăng 24% so với năm 2014.

3. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCB và thực hiện các dự án

3.1. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCB

Về Kỹ thuật công nghệ:

- Công ty đã chú trọng hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất vớ liên động cho dòng sản phẩm dập ghim và dán gáy.
- Xây dựng các tiêu chuẩn kiểm tra kỹ thuật nguyên liệu đầu vào và sản phẩm gia công.
- Nâng cao quy trình KCS giúp giảm tỷ lệ hàng hỏng, lỗi.
- Liên tục rà soát và áp dụng định mức vật tư mới giúp giảm tỷ lệ tiêu hao vật tư.

Về Kỹ thuật đầu tư:

- Với mục tiêu mở rộng ngành hàng, phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng suất và chất lượng cho sản phẩm, năm 2015 HĐQT Công ty dự kiến tổng mức đầu tư cho thiết bị và xây dựng cơ bản là 39,3 tỷ đồng. Đến 31/12/2015, tổng mức thực hiện đạt 34,91% dự kiến. Phần kế hoạch đầu tư chưa thực hiện được trong năm 2015 sẽ được chuyển tiếp thực hiện trong năm 2016.
- Công ty cũng đã đầu tư cải tạo hệ thống cảnh quan chung, hệ thống kho, hệ thống sân thể thao, nhà xưởng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải nhằm nâng cao điều kiện làm việc cho CBCNV và đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

3.2. Kết quả triển khai các dự án

Dự án 25 Lý Thường Kiệt:

- Dự án Trung tâm thương mại và Giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt đã hoàn thiện và đi vào sử dụng. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán công trình đầu tư.

- Thời điểm 31/12/2015, Công ty đã lấp đầy gần 90% tổng diện tích cho thuê của tòa nhà. Hiện tầng 9 (hơn 900 m²) và một phần diện tích tầng 10 (khoảng 350 m²) vẫn chưa có khách thuê.

Dự án 94 Lò Đúc:

- Dự án đang bị chậm tiến độ triển khai do đang chờ UBND TP. Hà Nội có ý kiến chỉ đạo và Sở Quy hoạch - Kiến trúc cấp Giấy phép Quy hoạch tiến tới phê duyệt Phương án Kiến trúc tổng thể tại khu vực này.
- Đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa nhận thêm thông tin gì về việc phê duyệt lại dự án từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	%
Tổng giá trị tài sản	đồng	450.054.553.608	446.136.070.723	99,13%
Doanh thu thuần, trong đó	đồng	676.650.894.407	499.192.474.721	73,77%
<i>Doanh thu từ SXKD</i>	<i>đồng</i>	<i>465.336.975.650</i>	<i>499.192.474.721</i>	<i>107,28%</i>
<i>Doanh thu từ cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>	<i>đồng</i>	<i>211.313.918.757</i>	<i>-</i>	<i>0,00%</i>
Lợi nhuận từ SXKD, trong đó	đồng	106.164.724.958	54.112.891.664	50,97%
<i>Lợi nhuận từ SXKD</i>		<i>25.719.750.664</i>	<i>28.915.846.746</i>	<i>112,43%</i>
<i>Lợi nhuận từ cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>		<i>80.444.974.294</i>	<i>25.197.044.918</i>	<i>31,32%</i>
Lợi nhuận khác	đồng	1.586.442.653	1.380.729.165	87,03%
Lợi nhuận trước thuế, trong đó	đồng	107.751.167.611	55.493.620.829	51,50%
<i>Lợi nhuận từ SXKD</i>	<i>đồng</i>	<i>27.306.193.317</i>	<i>30.296.575.911</i>	<i>110,95%</i>
<i>Lợi nhuận từ cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>	<i>đồng</i>	<i>80.444.974.294</i>	<i>25.197.044.918</i>	<i>31,32%</i>
Lợi nhuận sau thuế	đồng	83.936.745.797	43.208.693.251	51,48%
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	20	25	125,00%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
- Khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.36	1.50
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.34	0.35
- Cơ cấu vốn		
+ Nợ / Tổng tài sản	0.78	0.71
+ Nợ / Vốn chủ sở hữu	3.56	2.48
- Năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	2.29	2.26
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1.03	1.12
- Khả năng sinh lời		

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
+ Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	0.06	0.06
+ Lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu	0.28	0.24
+ Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	0.06	0.07

Về cơ bản, tình hình tài chính năm 2015 của Công ty là tương đối tốt, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều có mức tăng trưởng tốt, chi phí được kiểm soát, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Các chỉ tiêu tài chính liên quan đến khả năng thanh toán, năng lực hoạt động cũng như khả năng sinh lời đều có tăng trưởng tốt.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Vốn điều lệ: 58.961.000.000 đồng
- Số cổ phần: 5.896.100 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 5.896.100 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Diễn giải	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
Phân chia theo tỷ lệ sở hữu				
1	Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	4	2,311,843	39.21%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5%	393	3,584,257	60.79%
Phân chia theo tổ chức, cá nhân				
1	Cổ đông tổ chức	-	-	0.00%
2	Cổ đông cá nhân	397	5,896,100	100.00%
Phân chia theo lãnh thổ				
1	Cổ đông trong nước	396	5,894,900	99.98%
2	Cổ đông nước ngoài	1	1,200	0.02%
Phân chia theo vốn				
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	0.00%
2	Cổ đông khác	397	5,896,100	100.00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Từ khi thành lập tới thời điểm 31/12/2015, Công ty đã có 4 lần phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Đợt 1: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

1. Số lượng cổ phần phát hành: 286.000 cổ phần
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
2. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 2.860.000.000 đồng
3. Hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10%
4. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 28.600.000.000 đồng

5. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.460.000.000 đồng

Đợt 2: Phát hành cổ phiếu ra công chúng

1. Số lượng cổ phần phát hành: 1.573.000 cổ phần
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
3. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 15.730.000.000 đồng
4. Hình thức phát hành: chào bán 1.573.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu
5. Giá phát hành: 20.000 đồng/cổ phần
6. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 31.460.000.000 đồng
7. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 47.190.000.000 đồng

Đợt 3: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

1. Số lượng cổ phần phát hành: 943.800 cổ phần
2. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
3. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 9.438.000.000 đồng
4. Hình thức phát hành: chào bán 943.800 cổ phần cho cổ đông hiện hữu
5. Giá phát hành: 12.000 đồng/ cổ phần
6. Tổng giá trị chào bán: 11.325.600.000 đồng

7. Tỷ lệ phát hành: 5:1 (cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách hưởng quyền sẽ được thưởng quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm)

8. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành cho mỗi cổ đông sẽ được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ do HĐQT quyết định phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn 12.000 đồng/ cổ phiếu.

9. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 47.190.000.000 đồng
10. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 56.628.000.000 đồng

Đợt 4: Chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động

1. Số lượng cổ phần phát hành: 233.300 cổ phần
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
3. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 2.333.000.000 đồng

4. Hình thức phát hành: chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

5. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
6. Tổng giá trị chào bán: 2.333.000.000 đồng.
7. Vốn điều lệ trước khi phát hành: 56.628.000.000 đồng.
8. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 58.961.000.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2015

a) Thuận lợi

- Năm 2015, trong bối cảnh kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi, kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng có mức tăng trưởng ấn tượng. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,5%, vượt so với kế hoạch đề ra từ đầu năm là 6,2%. Chỉ số giá tiêu dùng CPI cũng tăng ở mức thấp, chỉ tăng 0,63% so với năm 2014.
- Năm 2015, giá dầu thế giới giảm mạnh, giá lương thực thực phẩm cũng thấp và ổn định góp phần làm giảm tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế, đồng thời cũng kéo theo giá một số nguyên liệu đầu vào chính của Công ty như nhựa, giấy ... giảm.
- Lãi suất ngân hàng vẫn ổn định ở mức thấp so với những năm trước.
- Công ty đã vượt qua khó khăn, ổn định được công tác tài chính, tổ chức SXKD và từng bước thực hiện tái cơ cấu về chiến lược, nhân sự và thiết bị nhằm tạo sự bứt phá trong thời gian tới.

b) Khó khăn

- Nền kinh tế Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng tiêu dùng còn thấp. Giá xăng dầu giảm nhưng chi phí vận chuyển vẫn tăng.
- Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài với thế mạnh về vốn và công nghệ.
- Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng lậu tràn lan trên thị trường. Đặc biệt, các dòng sản phẩm bút máy bị làm giả, làm nhái xuất hiện nhiều trên thị trường đã ảnh hưởng tới thương hiệu, uy tín của Công ty.
- Nhân sự còn yếu và thiếu, tính ổn định không cao làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

c) Tình hình hoạt động SXKD năm 2015

- Trong năm 2015, giá cả nguyên liệu đầu vào và giá bán sản phẩm tương đối ổn định. Công tác nhập vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất vẫn được Công ty triển khai hợp lý, sản xuất không bị gián đoạn, cơ bản cung cấp đủ hàng hóa cho thị trường, sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ lực đều tăng so với năm 2014.
- Năm 2015, Công ty đã tập trung tốt công tác ổn định, duy trì sự hợp tác chặt chẽ với hệ thống phân phối trên toàn quốc. Bên cạnh việc duy trì tốt hệ thống phân phối khu vực phía Bắc thì thị trường Miền Trung và Miền Nam cũng tiếp tục được mở rộng với tỷ lệ tăng trưởng bình quân trên 30%. Hệ thống kênh phân phối trường học cũng tiếp tục được mở rộng trên toàn quốc.
- Hoạt động marketing tiếp tục được tập trung định hướng vào đối tượng học sinh tiểu học và từng bước tiếp cận chủ động vào đối tượng học sinh trung học và sinh viên thông qua công tác sự kiện truyền thông và phát triển sản phẩm. Các hoạt động marketing triển khai trong năm qua đã giúp tăng nhận diện hình ảnh, thương hiệu của công ty đối với hệ thống khách hàng mục tiêu và hỗ trợ các kênh bán hàng trong việc tiêu thụ sản phẩm.

- Tồn kho vật tư cũng được dự phòng và kiểm soát tốt. Tồn kho vật tư cuối năm 2015 tăng gần 3% so với năm 2014. Về cơ bản Công ty đã đáp ứng đủ nhu cầu vật tư cho sản xuất trong năm 2015 và gởi đầu cho kế hoạch sản xuất 2016.
- Công ty đã tích cực triển khai phần mềm quản trị sản xuất cho các phân xưởng nhằm kiểm soát chặt chẽ công tác sản xuất đồng thời giúp đẩy nhanh tiến độ quyết toán trong Công ty. Đến thời điểm cuối năm 2015, Công ty cơ bản đã triển khai thành công phần mềm này tại phân xưởng Giấy vò.
- Như vậy, với sự nỗ lực của Ban điều hành Công ty, cùng với sự đoàn kết nhất trí của toàn bộ CNCNV trong Công ty, tình hình SXKD của Công ty trong năm 2015 là tương đối tốt với sự tăng trưởng cả doanh thu và lợi nhuận.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng cân đối kế toán (tóm tắt) thời điểm 31/12/2015

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	31/12/2015	01/01/2015	Chênh lệch	%
I	Tài sản ngắn hạn	215.454.510.886	198.566.577.908	16.887.932.978	108,50%
II	Tài sản dài hạn	230.681.559.837	251.487.975.700	(20.806.415.863)	91,73%
	Tổng tài sản	446.136.070.723	450.054.553.608	(3.918.482.885)	99,13%
III	Nợ phải trả	317.785.610.759	351.441.851.979	(33.656.241.220)	90,42%
IV	Vốn chủ sở hữu	128.350.459.964	98.612.701.629	29.737.758.335	130,16%
	<i>Trong đó:- Vốn điều lệ</i>	<i>58.961.000.000</i>	<i>58.961.000.000</i>	-	100,00%
	Tổng nguồn vốn	446.136.070.723	450.054.553.608	(3.918.482.885)	99,13%

Tổng tài sản thời điểm 31/12/2015 giảm bằng 99,13% so với thời điểm 01/01/2015. Nguyên nhân chủ yếu của sự suy giảm này là do các khoản phải thu dài hạn giảm. Khoản phải thu dài hạn chủ yếu là khoản Công ty phải thu hộ Tổng công ty Giấy Việt Nam tiền thuê văn phòng của Công ty Thuận An Holding tầng 1, 2, 3 tại 25 Lý Thường Kiệt (đơn nguyên Tổng công ty). Các khoản phải thu ngắn hạn giảm cũng góp phần làm tổng tài sản giảm. Việc thu hồi công nợ tốt sẽ làm giảm các khoản nợ phải trả (cả ngắn hạn và dài hạn). Tuy nhiên, chỉ tiêu Nguồn vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2015 tăng 30,16% so với thời điểm 01/01/2015. Vì vậy, việc suy giảm nhẹ tổng tài sản không thể hiện sự suy giảm năng lực tài chính và Công ty vẫn thực hiện tốt việc bảo toàn và phát triển vốn.

b) Tình hình nợ phải trả

Chi tiết Nợ phải trả tại Bảng cân đối kế toán thời điểm 31/12/2015

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	01/01/2015	Chênh lệch	%
C. Nợ phải trả	317.786	351.442	(33.656)	90,42%
I. Nợ ngắn hạn	143.699	146.435	(2.736)	98,13%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	59.327	48.758	10.569	121,68%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	135	37	98	364,86%
3. Thuế & các khoản phải nộp NN	296	3	293	9866,67%
4. Phải trả người lao động	8.254	6.482	1.772	127,34%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.104	1.544	1.560	201,04%
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.624	50	1.574	3248,00%
7. Phải trả ngắn hạn khác	4.816	5.232	(416)	92,05%
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	65.188	83.587	(18.399)	77,99%
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	955	742	213	128,71%
II. Nợ dài hạn	174.087	205.007	(30.920)	84,92%
1. Chi phí phải trả dài hạn	48.958	76.586	(27.628)	63,93%
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	71.821	76.330	(4.509)	94,09%
3. Phải trả dài hạn khác	53.309	52.091	1.218	102,34%

Tổng nợ phải trả của Công ty thời điểm 31/12/2015 giảm đáng kể so với đầu năm 2015 (chỉ bằng 90,42% so với đầu năm 2015). Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (chủ yếu là vay ngân hàng) đã giảm chỉ bằng 77,99% so với đầu năm 2015. Nợ phải trả giảm, trong khi các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, vốn chủ sở hữu vẫn tăng thể hiện Công ty đã quản trị tốt dòng tiền trong SXKD, giảm sự phụ thuộc vào vay vốn ngân hàng, tăng hiệu quả quay vòng vốn của Công ty.

3. Kế hoạch năm 2016

3.1. Một số chỉ tiêu tài chính dự kiến năm 2016

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015		Kế hoạch 2016	So sánh 2016/2015 (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		Với KH	Với TH
1	2	3	4	5	6	(7)=6/4	(8)=6/5
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	58.961	58.961	58.961	100,00%	100,00%
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	508.000	520.115	548.000	107,87%	105,36%
3	Nộp NSNN	Tr.đ	Theo LĐ	37.469	Theo LĐ		
4	LN SXKD trước thuế	Tr.đ	28.000	30.297	31.000	110,71%	102,32%
5	Lao động BQ (người/tháng)	Người	476	430	400	84,03%	93,02%
6	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	6.320	7.013	8.000	126,58%	114,07%
7	Cổ tức	%	16%	25%	18%	112,50%	72,00%

3.2. Các biện pháp thực hiện

a) Công tác tổ chức nhân sự - tiền lương:

- Công tác tuyển dụng và đào tạo được thực hiện ngay từ đầu năm nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ kết hợp với các trường đào tạo nghề nhằm bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu của từng đơn vị, đáp ứng được mục tiêu của Công ty. Đặc biệt chú trọng tuyển dụng, đào tạo công nhân kỹ thuật vận hành các thiết bị mới đầu tư.
- Tiếp tục tuyển dụng thêm cán bộ quản lý cấp trung nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và tăng cường khả năng thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Liên tục rà soát đơn giá tiền lương, đặc biệt sau khi có những thay đổi mới về quy trình công nghệ và thiết bị, để nâng cao hiệu quả sản xuất.

b) Đầu tư - Kỹ thuật:

- Thực hiện đầu tư thiết bị máy móc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đầu tư công nghệ mới để cải tiến sản phẩm và sản xuất sản phẩm mới.
- Quy hoạch lại mặt bằng nhà xưởng kết hợp với công nghệ thiết bị mới, thực hiện chuyên môn hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí.
- Tăng cường công tác quản trị chất lượng sản phẩm. Nâng cao chất lượng bao bì sản phẩm.
- Rà soát chặt chẽ định mức vật tư tránh lãng phí, giảm giá thành sản phẩm. Phần đầu đưa năng suất lao động tăng 10% so với năm 2015.

c) Công tác tài chính:

- Tiếp tục triển khai và áp dụng phần mềm Quản trị sản xuất cho tất cả các xưởng sản xuất trong Công ty. Nghiên cứu, áp dụng quy trình quyết toán chuẩn cho các xưởng sản xuất góp phần quản trị tốt chi phí phân xưởng đồng thời đẩy nhanh tiến độ quyết toán chi phí trong năm 2016.
- Nghiên cứu, áp dụng quy trình quản lý hàng tồn kho, quản lý thanh toán xuất nhập khẩu trong Công ty và một số quy trình quản trị khác nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả trong công tác quản lý vốn của doanh nghiệp.
- Làm việc với Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc phân chia cụ thể tài sản tại công trình 25 Lý Thường Kiệt. Đồng thời hỗ trợ Tổng công ty trong việc tiến hành thủ tục phân tách đất và tài sản trên đất tại 25 Lý Thường Kiệt trong năm 2016.

d) Kế hoạch - Thị trường:

Về công tác kế hoạch:

- Tiếp tục quy hoạch và cải tạo, mở rộng kho vật tư, hàng hóa.
- Tìm kiếm thêm nhà cung cấp để có được sự cạnh tranh về giá, chất lượng, tiến độ cung cấp vật tư, hàng hóa.
- Cải tiến hoàn thiện phần mềm để rút ngắn thời gian hạch toán cũng như quản trị sản xuất.

Về công tác thi trường, marketing:

- Ổn định và mở rộng hệ thống phân phối. Tiếp tục đẩy mạnh kênh bán hàng trực tiếp vào trường học.
- Cải tổ lại hệ thống bán lẻ cho phù hợp với tình hình mới.
- Đầu tư nhân sự bán hàng trực tiếp tại nhà phân phối.
- Tập trung hơn nữa trong việc triển khai tiêu thụ ngành hàng sổ, bút, dụng cụ học sinh.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chi phí bán hàng, đặc biệt là chi phí khuyến mại, vận chuyển.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm mới và các chương trình truyền thông, sự kiện dành cho người tiêu dùng trực tiếp.

e. Dự án 94 Lò Đúc và 25 Lý Thường Kiệt

Về dự án 25 Lý Thường Kiệt:

- Hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt trong năm 2016.
- Nghiên cứu, đưa ra các giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ tại tòa nhà.

Về dự án 94 Lò Đúc:

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án 94 Lò Đúc sau khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chủ trương chính thức cho lô đất này.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

a) Đặc điểm tình hình chung giai đoạn 2011-2015

Giai đoạn 2011-2015 là giai đoạn nền kinh tế thế giới có nhiều biến động lớn làm ảnh hưởng đến bức tranh kinh tế của Việt Nam. Để đối phó với những biến động của kinh tế thế giới, Chính phủ đã liên tục đưa ra các chính sách hỗ trợ tăng trưởng. Các biện pháp được đưa ra một mặt làm tăng sức mua chung của nền kinh tế, nhưng mặt khác cũng làm lạm phát tăng cao, đặc biệt là 2 năm 2010 (lạm phát tăng trên 11%) và 2011 (lạm phát tăng trên 18%). Cùng với lạm phát tăng, các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải gánh chịu cũng tăng nhanh, đặc biệt phải kể đến chi phí lãi vay (có thời điểm lên trên 18%), chi phí xăng dầu và một số chi phí nguyên vật liệu đầu vào khác.

Những biến động về kinh tế, chính trị trên thế giới gần đây bắt đầu làm cho bức tranh kinh tế từ năm 2014 đến nay có khởi sắc. Với xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam cũng đón nhận những tín hiệu khả quan so với vài năm trước đây. GDP tăng trưởng tốt, chỉ số giá tiêu dùng CPI năm 2015 chỉ ghi nhận tăng nhẹ so với năm 2014. Tuy nhiên, trong năm 2015, sức mua nói chung của cả nền kinh tế vẫn yếu.

Như vậy, bối cảnh kinh tế chung của Việt Nam giai đoạn 2011-2015 là những thuận lợi và khó khăn đan xen nhau làm ảnh hưởng đáng kể đến tình hình SXKD của Công ty.

Trong nội tại Công ty, bên cạnh những thuận lợi như: thương hiệu Hồng Hà vẫn giữ được uy tín trong lòng người tiêu dùng; công trình 25 Lý Thường Kiệt hoàn thành và sử dụng, khai thác từ giữa năm 2013 đã góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty;

sự đoàn kết nhất trí từ HĐQT đến Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty... Bên cạnh đó, Công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn. Khó khăn chủ yếu phải kể đến là tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường với sự tham gia của các đối tác nước ngoài rất mạnh về vốn và công nghệ. Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng lậu vẫn tràn lan trên thị trường làm ảnh hưởng tới thương hiệu, uy tín của Công ty. Giai đoạn 2011-2015 cũng là giai đoạn Công ty có nhiều biến động lớn về nhân sự quản lý, đặc biệt là nhân sự quản lý cấp cao. Một số cán bộ quản lý có kinh nghiệm đến tuổi nghỉ hưu đã nghỉ theo chế độ. Những cán bộ trẻ mới được bổ nhiệm mặc dù có kiến thức, nhiệt tình với công việc song kinh nghiệm vẫn còn thiếu cũng tạo ra những khó khăn trong công tác quản lý của Công ty. Cuối năm 2012, Công ty đã đối mặt với vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản rất lớn, khiến Công ty có nguy cơ dừng hoạt động. Tuy nhiên, cùng với sự hỗ trợ tích cực có hiệu quả của đối tác, bạn hàng, sự tin tưởng đoàn kết của toàn thể CBCNV và đặc biệt sự ủng hộ của cổ đông, Công ty đã từng bước vượt qua được khó khăn với kết quả SXKD khả quan trong những năm tiếp theo.

b) Kết quả hoạt động SXKD giai đoạn 2011-2015

Các chỉ tiêu cơ bản giai đoạn 2011-2015

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	47.190	58.961	58.961	58.961	58.961
2	Doanh thu	Tr.đồng	421.621	462.463	494.078	698.680	520.115
	<i>DT từ hạch toán một lần cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>	<i>Tr.đồng</i>	-	-	2.828	211.314	-
	<i>DT từ SXKD</i>	<i>Tr.đồng</i>	421.621	462.463	491.250	487.366	520.115
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	18.834	19.052	19.500	107.751	55.494
	<i>LN từ hạch toán một lần cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>	<i>Tr.đồng</i>	-	-	-	80.445	25.197
	<i>LN từ SXKD</i>	<i>Tr.đồng</i>	18.834	19.052	19.500	27.306	30.297
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	13.590	15.874	12.198	83.937	43.209
5	Cổ tức	%VĐL	16 %	16%	16%	20%	25%
6	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	2.880	2.920	2.069	13.951	6.596
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	Ng.đồng	4.998	5.139	5.243	5.653	7.013

Số liệu trong chỉ tiêu "Doanh thu" của các năm 2011-2014 là số liệu đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2015. Do năm 2015, Công ty thực hiện hạch toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015).

Như vậy, trong giai đoạn 5 năm từ 2011 đến 2015, doanh thu từ SXKD của Công ty đã tăng trung bình ở mức 5,5% một năm, trong khi lợi nhuận từ SXKD tăng trung bình ở mức trên 13% một năm. Đây là mức tăng doanh thu, lợi nhuận tương đối khả quan của Công ty trong bối cảnh nền kinh tế chung giai đoạn 2011-2015 có nhiều biến động bất lợi. Đặc biệt, trong hai năm 2014 và 2015, với sự tăng trưởng tốt lợi nhuận từ hoạt động SXKD, Công ty đã tăng mức cổ tức cho cổ đông từ mức 16% lên 25% vốn điều lệ.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Ban điều hành Công ty gồm có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Ban điều hành Công ty được HĐQT bổ nhiệm theo đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty và năng lực của cá nhân. Thành viên Ban điều hành Công ty đều là những người đã gắn bó lâu năm với Công ty, có hiểu biết về hoạt động SXKD của Công ty và có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao phó.

Năm 2015, Ban điều hành Công ty đã tham mưu cho HĐQT trong tất cả các mặt liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, góp phần quan trọng để hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã thông qua.

3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Cuối năm 2015 đầu năm 2016, tình hình kinh tế bắt đầu có những chuyển biến phức tạp. Chi phí lãi vay đã bắt đáy và chuẩn bị tăng trở lại do các ngân hàng bắt đầu có các biện pháp tăng lãi suất đi vay để cạnh tranh thu hút vốn từ nền kinh tế. Giá xăng, dầu, điện cũng có tín hiệu tăng trở lại.

Do vậy, năm 2016 nói riêng và giai đoạn 2016-2020 nói chung, HĐQT đánh giá vẫn là giai đoạn khó khăn đối với Công ty. Cạnh tranh trên thị trường vẫn phòng phẩm sẽ ngày càng khốc liệt, đặc biệt là sau khi các hiệp định tự do thương mại có hiệu lực; một số khoản chi phí sẽ tăng cao (mà không làm tăng doanh thu) do chính sách của Nhà nước thay đổi như: chi phí thuê đất, chi phí bảo hiểm bắt buộc và các khoản trích lập theo lương sẽ tăng đột biến ... Trong tình hình mới, HĐQT sẽ phải tiếp tục tăng cường công tác quản trị, giám sát chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả nghị quyết của ĐHCĐ.

Định hướng của HĐQT sẽ tập trung vào một số mặt sau:

3.1. Về tài chính

- Doanh thu kế hoạch năm 2016: 548 tỷ đồng
Lợi nhuận kế hoạch năm 2016: 31 tỷ đồng
Dự kiến cổ tức 2016: 18% vốn điều lệ
- Đảm bảo chỉ đạo sát sao công tác kiểm toán Báo cáo tài chính thời điểm 31/12 theo quy định, chỉ đạo tăng cường công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2016.
- Chỉ đạo quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo cung cấp đủ vốn cho hoạt động SXKD của Công ty.
- Theo dõi sát sao việc áp dụng phần mềm Quản trị sản xuất cho tất cả các xưởng sản xuất trong Công ty, tiến tới thống nhất quy trình quyết toán chi phí toàn Công ty.
- Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Ban Tổng giám đốc và kiểm tra việc phân chia tài sản và phân tách đất tại công trình 25 Lý Thường Kiệt với Tổng công ty Giấy Việt Nam.

3.2. Về dự án 25 Lý Thường Kiệt và dự án 94 Lò Đúc

Về dự án 25 Lý Thường Kiệt:

- Theo dõi và chỉ đạo hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt. Đặc biệt đẩy nhanh tiến độ quyết toán Gói thầu số 4 "Xây dựng tòa nhà".

- Ban Tổng giám đốc phải có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ cung cấp tại tòa nhà. Những hạng mục thiết bị, công trình bắt đầu hỏng hóc cần phải được rà soát, xem xét sửa chữa kịp thời đảm bảo an toàn và tạo sự tin tưởng cho khách thuê.

Về dự án 94 Lò Đúc:

Bên cạnh việc nỗ lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, Công ty sẽ nghiên cứu phương án nhượng lại quyền khai thác dự án của Công ty cho đối tác hợp tác đầu tư hoặc đối tác khác. Với doanh thu nhận được, Công ty sẽ nghiên cứu đầu tư để tăng năng lực sản xuất và tăng tính cạnh tranh cho ngành hàng kinh doanh chính của Công ty.

3.3. Các mặt công tác khác

- Chỉ đạo sát sao và quyết liệt hơn nữa trong công tác đầu tư, nâng cấp, đổi mới máy móc thiết bị theo hướng tự động hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Lấy công tác đầu tư làm trọng tâm chiến lược lâu dài nhằm tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và mở rộng ngành hàng.
- Chú trọng hơn nữa công tác đào tạo, đào tạo lại và tuyển dụng mới nhân sự đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhân sự của Công ty trong tình hình mới, đặc biệt đối với đội ngũ nhân sự then chốt, công nhân kỹ thuật cao và cán bộ quản lý.
- Liên tục rà soát các nhà cung cấp để có được ưu thế cạnh tranh về giá. Cải tiến phần mềm quản trị sản xuất nhằm đẩy nhanh tiến độ quyết toán giá thành, cũng như nâng cao hiệu quả công tác quản trị sản xuất.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chi phí bán hàng, đẩy mạnh công tác phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường.

3.4. Phương hướng SXKD của Công ty giai đoạn 2016-2020

Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016-2020

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TT 2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Doanh thu	520.115	548.000	580.000	650.000	750.000	900.000
2	LN từ SXKD	30.297	31.000	32.500	36.000	43.000	60.000
3	Vốn điều lệ	58.961	58.961	64.800	72.000	80.000	100.000
4	Cổ tức	25%	18%	18%	18%	20%	20%
5	Tỷ suất LN/DT	5,83%	5,66%	5,60%	5,54%	5,73%	6,67%

Như vậy, mục tiêu đến hết năm 2020, doanh thu của Công ty sẽ chạm mốc 900 tỷ đồng, lợi nhuận chạm mốc 60 tỷ đồng. Cùng với việc tăng doanh thu và lợi nhuận, Công ty sẽ có lộ trình tăng vốn điều lệ tương ứng để giảm bớt sức ép về chi phí và tăng tốc độ quay vòng vốn từ đó tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

HDQT Công ty nhất quán với chủ trương:

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập;
- Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà".

- Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách Hội đồng quản trị (đến thời điểm lập báo cáo này)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Loại thành viên	Số cổ phần HHA sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trương Quang Luyện	Chủ tịch HĐQT		108.289	1,84%
2	Bùi Kỳ Phát	Phó CT HĐQT	TV độc lập	363.855	6,17%
3	Đào Thị Mai Hạnh	TV HĐQT		70.775	1,20%
4	Võ Sỹ Dũng	TV HĐQT	TV độc lập	330.760	5,61%
5	Nguyễn Hưng	TV HĐQT	TV độc lập	61.880	1,05%
6	Bùi Quốc Giang	TV HĐQT	TV độc lập	885.000	15,01%
7	Phan Hưng	TV HĐQT	TV độc lập	251.824	4,27%
	Tổng cộng			2.072.383	35,15%

1.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2015

- Trong năm 2015, HĐQT đã tiến hành 9 cuộc họp định kỳ/mở rộng. Các thành viên HĐQT đều trực tiếp tham dự đầy đủ các cuộc họp này.
- Ngoài các cuộc họp định kỳ/mở rộng, HĐQT Công ty cũng sử dụng hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để thông qua các chủ trương chính sách, đảm bảo chỉ đạo kịp thời hoạt động SXKD của Công ty.
- Năm 2015, HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết và 19 Quyết định để thông qua và quyết định các vấn đề như: Thông qua Kế hoạch cũng như tình hình SXKD hàng quý năm 2015; Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2015; Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường ngày 15/01/2016; Các Phương án huy động vốn và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư; Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; Thông qua việc Tổng giám đốc Công ty ủy quyền cho thành viên Ban điều hành; Phương án khai thác cho thuê dự án Trung tâm thương mại và Giới thiệu sản phẩm; Tạm ứng cổ tức năm 2015 và các chương trình công tác của các thành viên HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định do HĐQT ban hành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.

1.3. Các hoạt động giám sát của HĐQT với Ban điều hành

- Tổ chức họp và thẩm định các Báo cáo và Tờ trình của Tổng giám đốc Công ty về việc tổng kết cũng như kế hoạch hoạt động SXKD, phương án vay vốn Ngân hàng, tiến độ và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư.
- HĐQT đã trao đổi, thảo luận với Ban điều hành về việc thực hiện các chiến lược, mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 18/04/2015, để đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban điều hành.

- Kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, đóng góp ý kiến với Tổng giám đốc cũng như Ban điều hành Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD đã đề ra. HĐQT luôn trao đổi cởi mở và bàn bạc chi tiết với những ý kiến đóng góp cũng như đề xuất của Ban kiểm soát. Các ý kiến đóng góp đều được tôn trọng và cân nhắc khi HĐQT hoặc Tổng giám đốc ra quyết định.
- HĐQT luôn đưa ra Nghị quyết sau mỗi buổi họp thường kỳ hoặc bất thường để thông qua tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty, kế hoạch SXKD của quý tiếp theo và các biện pháp triển khai để Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban. HĐQT phân công công việc cho từng thành viên HĐQT phụ trách riêng về các vấn đề như sản xuất, lương thưởng, nhân sự, tài chính, đầu tư, kinh doanh ... Các thành viên đã nỗ lực hết sức để đảm nhận tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách Ban kiểm soát (đến thời điểm lập báo cáo này)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần HHA sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nông Văn Quyết	Trưởng BKS	4.408	0,07%
2	Tạ Quốc Bình	TV BKS	732.228	12,42%
3	Bùi Thị Thủy	TV BKS	3.644	0,06%
	Tổng cộng		740.280	12,56%

2.2. Các hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong ban và hoạt động theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát đã duy trì họp hàng quý theo quy định với sự tham gia đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát; mặt khác thường xuyên liên hệ với bộ máy quản lý điều hành để nắm tình hình hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện trao đổi trực tiếp và đề xuất, kiến nghị trong các cuộc họp HĐQT các vấn đề có liên quan đến xây dựng các quy chế, tăng cường các biện pháp quản lý điều hành hoạt động của Công ty.
- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành đã giúp Ban kiểm soát hoàn thành được những nhiệm vụ được giao, đóng góp những kết quả thiết thực trong công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp.
- Chương trình hoạt động của Ban kiểm soát tập trung vào những nội dung chính sau đây:
 - Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - Theo dõi việc thu hồi tài sản của Công ty và hạch toán kế toán liên quan đến vụ việc Hoàng Đình Thắng chiếm đoạt tài sản của Công ty.
 - Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm.
 - Rà soát việc xây dựng và thực hiện các quy định trong quản lý nội bộ của Công ty.
 - Đánh giá các lĩnh vực trong hoạt động SXKD.
 - Theo dõi việc thực hiện những khuyến nghị của Ban kiểm soát đã đưa ra.

2.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

a) Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty

- Ban kiểm soát đã theo dõi việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty. Cùng Công ty kiểm toán rà soát quy trình kiểm toán và các yếu tố loại trừ nhằm ngăn ngừa những sai sót trong quá trình kiểm toán.
- Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Công ty được lập ngày 28/03/2016 theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam, kiểm toán viên có trách nhiệm đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

b) Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD. Ban điều hành đã nghiêm túc thực hiện các quy chế và nghị quyết mà HĐQT đã ban hành. HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính trong hoạt động SXKD mà ĐHĐCĐ năm 2015 đã thông qua. Tuy nhiên, Công ty cũng cần nghiên cứu, tìm ra những giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác quản lý, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát


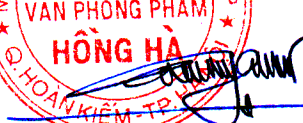
ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 đã thông qua tổng thù lao của HĐQT năm 2015 là 336 triệu đồng, tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2016 là 96 triệu đồng. Công ty đã chi đúng, chi đủ số thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết mà ĐHĐCĐ thường niên 2015 đã thông qua.

4. Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan

(Bảng Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan trong năm 2015 đính kèm Báo cáo này)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

(Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán được đính kèm theo Báo cáo này, đồng thời cũng đã được đăng tải trên website Công ty từ ngày 31/03/2016)


TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG QUANG LUYẾN

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh.....	2
3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu Bộ máy quản lý.....	3
4. Định hướng phát triển.....	6
5. Các rủi ro.....	7
5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô và kinh tế ngành.....	7
5.2. Rủi ro về luật pháp.....	7
5.3. Rủi ro đặc thù.....	8
5.4. Rủi ro về tài chính.....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2015	9
1. Tình hình hoạt động SXKD.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
2.1. Danh sách Ban điều hành.....	10
2.2. Lực lượng lao động và chính sách nhân sự.....	11
3. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCCB và thực hiện các dự án.....	11
3.1. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCCB.....	11
3.2. Kết quả triển khai các dự án.....	11
4. Tình hình tài chính.....	12
4.1. Tình hình tài chính:.....	12
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
5.1. Cổ phần.....	13
5.2. Cơ cấu cổ đông.....	13
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	15
1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2015.....	15
a) Thuận lợi.....	15
b) Khó khăn.....	15
c) Tình hình hoạt động SXKD năm 2015.....	15
2. Tình hình tài chính.....	16
a) Tình hình tài sản.....	16
b) Tình hình nợ phải trả.....	16
3. Kế hoạch năm 2016.....	17
3.1. Một số chỉ tiêu tài chính dự kiến năm 2016.....	17
3.2. Các biện pháp thực hiện.....	18
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	19
1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty.....	19
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty.....	21
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị.....	21
3.1. Về tài chính.....	21
3.2. Về dự án 25 Lý Thường Kiệt và dự án 94 Lò Đức.....	21
3.3. Các mặt công tác khác.....	22
3.4. Phương hướng SXKD của Công ty giai đoạn 2016-2020.....	22
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
1. Hội đồng quản trị.....	23
1.1. Danh sách Hội đồng quản trị.....	23
1.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2015.....	23
1.3. Các hoạt động giám sát của HĐQT với Ban điều hành.....	23
1.4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	24
2. Ban kiểm soát.....	24
2.1. Danh sách Ban kiểm soát.....	24
2.2. Các hoạt động của Ban kiểm soát.....	24
2.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.....	25
3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	25
4. Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan.....	25
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015	25

**Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan
Năm 2015**

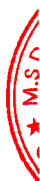
TT	Người thực hiện giao dịch	Loại cổ đông	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bùi Thị Hồng Linh	Người có liên quan	Là con gái của ông Bùi Kỳ Phát - Phó CT HĐQT	-	0.00%	202,249	3.43%	Nhận chuyển nhượng cổ phần
2	Hoàng Mạnh Ánh	Cổ đông nội bộ, Phó Tổng GD		5,436	0.09%	15,436	0.26%	Nhận chuyển nhượng cổ phần
3	Bùi Quốc Giang	Cổ đông lớn		-	0.00%	885,000	15.01%	Nhận chuyển nhượng cổ phần
4	Tạ Quốc Bình	Cổ đông lớn		-	0.00%	732,228	12.42%	Nhận chuyển nhượng cổ phần
5	Ông Phan Hưng và vợ là Bà Phan Thị Thu Hương	Cổ đông lớn		-	0.00%	417,722	7.08%	Nhận chuyển nhượng cổ phần
6	Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Cổ đông lớn, cổ đông Nhà nước		2,450,085	41.55%	-	0.00%	Thoái vốn NN tại Công ty Hồng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch
Ông Bùi Kỳ Phát	Phó chủ tịch
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên
Ông Võ Sỹ Dờng	Thành viên
Ông Nông Văn Quyết	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/04/2015)
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)
Ông Phan Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyện
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Số: 76/2016/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2016 và được trình bày từ trang số 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Trên Báo cáo kiểm toán số 102/2015/UHY ACA-BCKT ngày 16/03/2015, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến số trích lập dự phòng phải thu khó đòi của đối tượng Hoàng Đình Thắng sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế 2014 cần được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Ngày 18/04/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã ra Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án trích lập dự phòng phải thu khó đòi sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2014. Ngày 30/06/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 09/2015/QĐ-HĐQT phê duyệt việc bù trừ khoản phải thu khó có khả năng thu hồi này với khoản dự phòng đã trích lập.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0034-2015-055-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
1396-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		215.454.510.886	198.566.577.908
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.669.374.388	8.143.980.520
1. Tiền	111		6.450.031.755	8.143.980.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.219.342.633	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.730.990.668	36.264.912.324
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.578.915.900	24.794.921.385
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.950.941.920	6.109.881.780
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.292.564.111	91.397.466.118
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.091.431.263)	(86.037.356.959)
IV. Hàng tồn kho	140	9	165.519.497.304	148.726.262.515
1. Hàng tồn kho	141		165.519.497.304	150.398.596.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.672.334.192)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.534.648.526	5.431.422.549
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.228.973.399	2.471.445.445
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	3.305.675.127	2.959.977.104
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.681.559.837	251.487.975.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		298.766.864	15.360.902.788
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	298.766.864	15.360.902.788
II. Tài sản cố định	220		77.984.913.778	72.285.999.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	70.521.239.195	64.706.074.694
- Nguyên giá	222		141.537.834.635	128.286.697.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.016.595.440)	(63.580.623.296)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.463.674.583	7.579.924.583
- Nguyên giá	228		8.314.234.750	8.314.234.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(850.560.167)	(734.310.167)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	101.613.615.806	25.021.066.743
- Nguyên giá	231		166.715.475.699	80.567.521.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(65.101.859.893)	(55.546.454.448)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		49.790.725.316	136.561.550.112
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	49.790.725.316	136.561.550.112
VI. Tài sản dài hạn khác	260		993.538.073	2.258.456.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	993.538.073	2.258.456.780
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		446.136.070.723	450.054.553.608

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

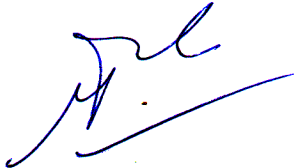
MÃ SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		317.785.610.759	351.441.851.979
I. Nợ ngắn hạn	310		143.698.591.281	146.435.121.061
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	59.327.103.170	48.757.784.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		134.768.525	37.323.586
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	295.652.221	3.134.340
4. Phải trả người lao động	314		8.253.773.582	6.481.992.568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.103.772.254	1.543.824.145
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.624.389.871	50.164.759
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.815.858.740	5.231.506.125
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	65.187.962.383	83.587.180.348
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		955.310.535	742.210.309
II. Nợ dài hạn	330		174.087.019.478	205.006.730.918
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	48.957.880.774	76.586.202.111
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	71.820.613.271	76.329.619.716
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	53.308.525.433	52.090.909.091
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.350.459.964	98.612.701.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	128.250.459.964	98.512.701.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.961.000.000	58.961.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.900.411.071	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.806.130.187	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.208.693.251	22.177.476.174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.208.693.251	22.177.476.174
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		100.000.000	100.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		446.136.070.723	450.054.553.608

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

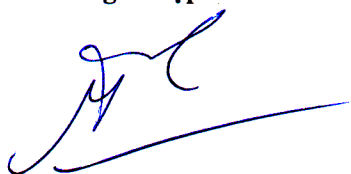
MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	516.996.471.615	695.997.939.284
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	20.922.259.830	22.305.711.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		496.074.211.785	673.692.227.829
4. Giá vốn hàng bán	11	25	344.055.491.355	483.170.231.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152.018.720.430	190.521.996.610
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	466.080.447	364.623.484
7. Chi phí tài chính	22	27	3.986.361.699	5.306.930.630
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.817.333.860	4.963.687.206
8. Chi phí bán hàng	25	28	74.044.713.694	65.893.894.656
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	20.340.833.820	13.521.069.850
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.112.891.664	106.164.724.958
11. Thu nhập khác	31	31	2.652.182.489	2.317.308.030
12. Chi phí khác	32	32	1.271.453.324	730.865.377
13. Lợi nhuận khác	40		1.380.729.165	1.586.442.653
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.493.620.829	107.751.167.611
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	12.284.927.578	23.814.421.814
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.208.693.251	83.936.745.797
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	6.596	13.951
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		6.596	13.951

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyện

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

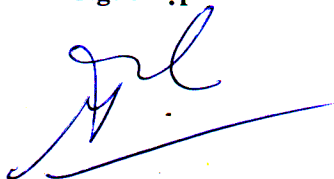
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MÃ SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	478.700.246.987	555.955.144.486
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(331.353.611.831)	(412.011.996.865)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(43.974.801.094)	(38.864.633.730)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.903.576.423)	(5.132.535.238)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(12.376.108.794)	(27.226.470.704)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.782.790.262	34.218.418.058
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(42.632.171.671)	(104.045.242.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.242.767.436	2.892.683.549
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.077.280.395)	(10.945.896.499)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	215.000.000	1.296.464.547
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	454.719.293
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	461.932.829	631.718.733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.400.347.566)	(8.562.993.926)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	273.779.936.499	325.585.083.581
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(292.179.154.464)	(347.138.797.098)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.917.904.590)	(9.433.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.317.122.555)	(30.987.473.517)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.525.297.315	(36.657.783.894)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.143.980.520	44.800.526.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	96.553	1.238.084
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.669.374.388	8.143.980.520

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 số 0100100216 ngày 02/07/2014.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng, tương ứng với 5.896.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Từ ngày 25/05/2015, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 394 người (tại ngày 31/12/2014 là 396 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
-

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nhà máy sản xuất của Công ty đặt tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (TP.Hà Nội)	Số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng	Số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo Tài chính

Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của Công ty.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và chế độ kế toán doanh nghiệp.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị quản lý	04 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất phản ánh khoản tiền Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty không thực hiện trích khấu hao với quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị tòa nhà văn phòng Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm" tại 25 Lý Thường Kiệt do Công ty xây dựng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá trị công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 năm.

Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng. Nguyên giá của bất động sản đầu tư nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư dự án xây dựng tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000052 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012. Theo Quyết định số 219/QĐ –GVN.HN ngày 23/6/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 472,267 tỷ đồng, trong đó mức đầu tư tương ứng với phần diện tích Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được phép sử dụng, khai thác là 241,426 tỷ đồng. Hiện tại, công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty đang tiến hành các thủ tục để quyết toán công trình, dự kiến hoàn thành trong quý II/2016.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê nhà, chi phí sửa chữa cải tạo phân xưởng và các chi phí khác.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Chi phí tiền thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	733.591.008	479.751.379
Tiền gửi ngân hàng	5.716.440.747	7.664.229.141
Các khoản tương đương tiền	10.219.342.633	-
Cộng	<u>16.669.374.388</u>	<u>8.143.980.520</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building	691.936.262	17.913.161.687
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.886.979.638	6.881.759.698
Cộng	<u>7.578.915.900</u>	<u>24.794.921.385</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	13.292.564.111	-	91.397.466.118	84.871.423.319
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	3.701.666.283	-	563.363.385	-
- Ký cược, ký quỹ	100.520.000	-	650.660.028	-
- Tạm ứng	416.045.890	-	340.060.561	-
- Cổ tức đã tạm ứng (*)	8.842.584.590	-	4.716.880.000	-
- Phải thu khác	231.747.348	-	255.078.825	-
- Đối trọng Hoàng Đình Thắng	-	-	84.871.423.319	84.871.423.319
Dài hạn	298.766.864	-	15.360.902.788	-
- Tổng công ty Giấy Việt Nam	-	-	14.970.290.436	-
- Ký cược, ký quỹ	298.766.864	-	390.612.352	-
Cộng	<u>13.591.330.975</u>	-	<u>106.758.368.906</u>	<u>84.871.423.319</u>

(*) Trong năm 2015, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐQT ngày 19/07/2015 và Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐQT ngày 18/11/2015 của Hội đồng quản trị Công ty. Tổng số tiền cổ tức tạm ứng trong năm 2015 được Công ty theo dõi và ghi nhận như một khoản phải thu ngắn hạn khác (ghi nợ tài khoản 338 – Phải trả khác) trình bày trên Bảng cân đối kế toán. Số tạm ứng cổ tức này sẽ được quyết toán và ghi giảm chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty (tài khoản 421) sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 phê duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

8. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TM Quảng Cáo & Bao Bì Ngọc Phát	780.129.069	780.129.069	-	780.129.069	390.064.534	390.064.535
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (*)	1.223.067.602	611.533.802	611.533.800	1.223.067.602	-	1.223.067.602
Công ty TNHH Tuấn Phương	470.550.297	470.550.297	-	470.550.297	329.385.208	141.165.089
DNTN Vũ & Vỹ	229.218.095	229.218.095	-	229.218.095	229.218.095	-
Công ty TNHH Bao bì Vật phẩm VH-XD Minh Việt Long	-	-	-	434.531.603	217.265.803	217.265.800
Đối tượng Hoàng Đình Thảng (**)	-	-	-	84.871.423.319	84.871.423.319	-
Cộng	2.702.965.063	2.091.431.263	611.533.800	88.008.919.985	86.037.356.959	1.971.563.026

(*) Tổng số công nợ phải thu của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (viết tắt là “ Công ty A&T”) theo bản án số 03/2015/KDTM-ST ngày 10/04/2015 của Tòa án Nhân dân quận 2 thành phố Hồ Chí Minh là 2.225.097.147 đồng, trong đó phí thuê mặt bằng và phí dịch vụ là 1.760.956.877 đồng (bao gồm số đã phát hành hóa đơn GTGT là 1.223.067.602 đồng, và số chưa phát hành hóa đơn là 537.889.275 đồng), và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 493.589.250 đồng. Theo bản án phúc thẩm số 1408/2015/KDTM-PT ngày 11/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì việc tổng đạt các văn bản triệu tập bị đơn tham gia tố tụng là không hợp lệ, nên bản án sơ thẩm bị hủy về tố tụng. Bản án phúc thẩm cũng quyết định “ Hủy bản án số 03/2015/KDTM-ST ngày 10/4/2015 của Tòa án nhân dân quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 2 thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung”. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục gửi hồ sơ khởi kiện Công ty A&T theo quyết định của bản án phúc thẩm.

(**) Số dư phải thu đối tượng Hoàng Đình Thảng tại 01/01/2015 với số tiền 84.871.423.319 đồng là số tiền của Công ty bị đối tượng này chiếm đoạt bằng việc lập hồ sơ vay giá và hồ sơ vay không đúng mục đích thông qua các giao dịch tại ngân hàng trong các năm trước. Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tỉ lệ 100% số dư phải thu. Ngày 18/04/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã ra Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án trích lập dự phòng phải thu sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền 61.759.269.623 đồng.

Ngày 30/06/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 09/2015/QĐ-HĐQT xác định khoản phải thu đối tượng Hoàng Đình Thảng số tiền 84.871.423.319 đồng là khoản nợ khó có khả năng thu hồi, đồng thời phê duyệt việc bù trừ khoản phải thu này với khoản dự phòng đã trích lập với số tiền tương ứng và tiếp tục theo dõi khoản nợ phải thu đã xử lý này ở chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán trong thời gian 10 năm tiếp theo. Trong kỳ, tòa án đã chuyển trả Công ty số tiền 1.165.259.482 đồng từ việc đấu giá tài sản của đối tượng Hoàng Đình Thảng. Tại ngày 31/12/2015, số dư của khoản nợ đã xử lý này là 83.706.163.837 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	56.346.572.704	-	54.736.518.288	839.858.934
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	10.184.603.372	-	11.530.847.709	-
Thành phẩm	51.027.045.929	-	46.186.022.660	832.475.258
Hàng hoá	47.961.275.299	-	37.945.208.050	-
Cộng	165.519.497.304	-	150.398.596.707	1.672.334.192

(*): Bao gồm giá trị nguyên vật liệu tồn tại các phân xưởng chưa đưa vào sản xuất tại ngày 31/12/2015 là 5.065.047.440 đồng.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị giảm giá.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí thuê nhà	763.788.128	454.335.165
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho	-	394.940.607
Công cụ dụng cụ	208.557.945	117.682.128
Chi phí khác	21.192.000	1.291.498.880
Cộng	993.538.073	2.258.456.780

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	59.795.874.425	62.015.979.396	4.342.164.075	2.132.680.094	128.286.697.990
Mua trong năm	-	12.224.648.596	887.732.727	288.958.900	13.401.340.223
Đầu tư XDCB hoàn thành	349.796.422	-	-	-	349.796.422
Thanh lý, nhượng bán	-	(500.000.000)	-	-	(500.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	60.145.670.847	73.740.627.992	5.229.896.802	2.421.638.994	141.537.834.635
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	22.389.466.598	35.989.180.078	3.695.149.397	1.506.827.223	63.580.623.296
Khấu hao trong năm	2.541.635.487	4.902.551.417	259.243.706	167.481.528	7.870.912.138
Thanh lý, nhượng bán	-	(434.939.994)	-	-	(434.939.994)
Tại ngày 31/12/2015	24.931.102.085	40.456.791.501	3.954.393.103	1.674.308.751	71.016.595.440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	37.406.407.827	26.026.799.318	647.014.678	625.852.871	64.706.074.694
Tại ngày 31/12/2015	35.214.568.762	33.283.836.491	1.275.503.699	747.330.243	70.521.239.195
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng	7.662.226.261	22.297.085.282	3.704.621.893	1.203.482.304	34.867.415.740

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
Tại ngày 31/12/2015	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	734.310.167	734.310.167
Khấu hao trong năm	-	116.250.000	116.250.000
Tại ngày 31/12/2015	-	850.560.167	850.560.167
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	6.708.372.500	871.552.083	7.579.924.583
Tại ngày 31/12/2015	6.708.372.500	755.302.083	7.463.674.583

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	80.567.521.191	80.567.521.191
Đầu tư XDCB hoàn thành	86.147.954.508	86.147.954.508
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	166.715.475.699	166.715.475.699
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	55.546.454.448	55.546.454.448
Khấu hao trong năm	9.555.405.445	9.555.405.445
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	65.101.859.893	65.101.859.893
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	25.021.066.743	25.021.066.743
Tại ngày 31/12/2015	101.613.615.806	101.613.615.806

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	49.704.378.316	136.547.963.112
- Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
- Mua sắm TSCĐ	72.760.000	-
Cộng	49.790.725.316	136.561.550.112

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(*): Công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (viết tắt “ Thuận An Building”), chi tiết:

- Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008, Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác, kinh doanh tạm tính là 3.932 m² gồm diện tích sàn tầng 3, 4, 5, 6 (983m²/tầng). Sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, Thuận An Building được ký hợp đồng thuê văn phòng tương ứng phần diện tích đã góp vốn trong thời gian hoạt động còn lại của Công trình theo hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội.
- Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009, Thuận An Building đầu tư xây dựng 100% toàn phần diện tích tăng thêm từ 09 tầng lên 13 tầng của công trình dự án để được hưởng 50% toàn bộ diện tích tăng thêm nhằm sử dụng, quản lý, khai thác và kinh doanh.
- Trong quy định của các hợp đồng hợp tác nêu trên, quyền được thuê và sử dụng được chuyển giao cho Thuận An Building hoặc một bên khác do Thuận An Building chỉ định. Bên khác do Thuận An Building chỉ định tại các phụ lục hợp đồng hợp tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 của Công ty là giá trị tạm tăng. Giá trị của dự án nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH Một thành viên	11.065.115.215	11.065.115.215	10.918.405.115	10.918.405.115
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	19.231.299.138	19.231.299.138	2.763.511.815	2.763.511.815
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và xây lắp CDS	2.711.165.700	2.711.165.700	5.422.331.400	5.422.331.400
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Việt Nam	1.874.162.900	1.874.162.900	5.975.448.700	5.975.448.700
- Chi nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	189.716.945	189.716.945	11.377.091.698	11.377.091.698
- Công ty Cổ phần Giấy và Bao Bì Việt Thắng	3.848.511.536	3.848.511.536	738.221.614	738.221.614
- Phải trả cho các đối tượng khác	20.407.131.736	20.407.131.736	11.562.774.539	11.562.774.539
Cộng	59.327.103.170	59.327.103.170	48.757.784.881	48.757.784.881

Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	2.265.934.103	2.265.934.103	1.183.822.352	1.183.822.352

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	47.945.428.665	47.945.428.665	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ</i>	-	37.027.089.390	37.027.089.390	-
<i>Số thuế GTGT thực nộp</i>	-	10.918.339.275	10.918.339.275	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.774.349.914	4.774.349.914	-
Thuế Nhập khẩu	(139.252.148)	711.869.730	572.617.582	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.749.448.030)	12.386.884.473	12.376.108.794	(2.738.672.351)
Thuế Thu nhập cá nhân	(71.276.926)	455.527.636	399.920.912	(15.670.202)
Thuế đất	-	170.570.988	170.570.988	-
Tiền thuế đất	-	7.387.751.389	7.939.083.963	(551.332.574)
Các loại thuế, phí khác	3.134.340	612.698.731	320.180.850	295.652.221
Cộng	(2.956.842.764)	74.445.081.526	74.498.261.668	(3.010.022.906)
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	3.134.340			295.652.221
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	2.959.977.104			3.305.675.127

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	3.103.772.254	1.543.824.145
- Chi phí lãi vay và lãi nhận ký quỹ	140.618.970	226.861.533
- Chi phí khuyến mại	2.963.153.284	-
- Chi phí thuê đất	-	1.316.962.612
Dài hạn	48.957.880.774	76.586.202.111
- Chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại 25 Lý Thường Kiệt (i)	48.957.880.774	76.586.202.111
Cộng	52.061.653.028	78.130.026.256

(i) Khoản chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của Dự án tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt tương ứng với phần diện tích sử dụng đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building thuê đến năm 2057 do Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê mặt bằng với Công ty này đến năm 2057 vào kết quả kinh doanh năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Doanh thu cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt	1.624.389.871	50.164.759
Cộng	1.624.389.871	50.164.759
Dài hạn		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	58.555.363.948	59.966.325.784
- Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình (ii)	9.608.555.568	9.608.555.568
- Công ty TNHH Bình Hạnh Đan (ii)	3.656.693.755	5.651.253.991
- Các công ty khác	-	1.103.484.373
Cộng	71.820.613.271	76.329.619.716

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt.

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ngày 06/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời gian thuê từ ngày 10/11/2013 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 1, 2 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 584m². Tổng tiền thuê cả kỳ là 61.612.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HĐ-TVP ngày 12/12/2013 với ông Nguyễn Phan Quang Bình và bà Ngô Thị Bích Hạnh – bên thuê ban đầu (ông Bình và bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2014 bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan thuê tại khu vực tầng 11 của tòa nhà. Theo đó, thời hạn thuê của bên thuê bổ sung - Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ 25/11/2013 đến 25/11/2017 (4 năm thuê đầu tiên) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 7.978.240.932 đồng và thời hạn thuê của bên thuê ban đầu - ông Bình và bà Hạnh là từ 26/11/2017 đến 08/07/2057 (thời gian thuê còn lại) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 9.608.555.568 đồng.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	-	25.865.448
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.815.858.740	5.205.640.677
Cộng	4.815.858.740	5.231.506.125
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.217.616.342	-
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (i)	49.090.909.091	49.090.909.091
Cộng	53.308.525.433	52.090.909.091

(i) Số dư phải trả Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building là số tiền góp vốn đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÁN PHÒNG PHÁM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09a - DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	65.187.962.383	65.187.962.383	273.779.936.499	292.179.154.464	83.587.180.348	83.587.180.348
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	55.910.349.954	55.910.349.954	223.636.191.314	219.825.342.491	52.099.501.131	52.099.501.131
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Long Biên	-	-	-	6.434.314.608	6.434.314.608	6.434.314.608
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (ii)	6.057.612.429	6.057.612.429	49.752.671.197	63.643.423.377	19.948.364.609	19.948.364.609
- Vay ngắn hạn thẻ Visa Ngân hàng - Vay cá nhân (iii)	3.220.000.000	3.220.000.000	391.073.988	391.073.988	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	65.187.962.383	65.187.962.383	273.779.936.499	292.179.154.464	83.587.180.348	83.587.180.348

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/15/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 02/07/2015 với hạn mức cho vay là 70 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn rút vốn từ ngày hết ngày 31/12/2015. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 672 Ngô Gia Tự, Đức Giang, Long Biên. Lãi suất các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 5,9% đến 6,1%, thời hạn vay 6 tháng.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Long Biên theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 36757.15.053.938704 ngày 29/10/2015 với tổng số tiền cam kết được cấp tối đa tại mọi thời điểm là 30 tỷ đồng. Mục đích vay vốn nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/07/2016. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm. Lãi suất các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 5,7% với thời hạn vay 3 tháng.

(iii) Khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn vay không xác định cụ thể, lãi suất vay áp dụng theo thông báo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	58.961.000.000		17.374.225.455		12.657.465.867		5.104.122.710		3.806.130.187		12.197.994.369		110.100.938.588	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		-		-		83.936.745.797		83.936.745.797	
Chia cổ tức	-		-		-		-		-		(9.433.760.000)		(9.433.760.000)	
Trích quỹ khen thưởng	-		-		-		-		-		(1.219.799.437)		(1.219.799.437)	
Giảm khác	-		-		(12.657.465.867)		(5.104.122.710)		(3.806.130.187)		(63.303.704.555)		(84.871.423.319)	
Tại ngày 01/01/2015	58.961.000.000		17.374.225.455		-		-		-		22.177.476.174		98.512.701.629	
Tăng vốn trong năm	-		-		-		-		-		-		-	
Lãi trong năm	-		-		-		-		-		43.208.693.251		43.208.693.251	
Phân phối lợi nhuận (*)	-		-		4.900.411.071		-		3.806.130.187		(22.177.476.174)		(13.470.934.916)	
Tại ngày 31/12/2015	58.961.000.000		17.374.225.455		4.900.411.071		-		3.806.130.187		43.208.693.251		128.250.459.964	

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2015 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 là chi trả cổ tức với số tiền là 11.792.200.000 đồng, đồng thời trích lập các quỹ như sau: Quỹ đầu tư phát triển: 4.900.411.071 đồng; Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 3.806.130.187 đồng; Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.678.734.916 đồng.

Bên cạnh đó, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2014 để bù đắp tổn thất cho khoản chiếm đoạt bởi đối tượng Hoàng Đình Thắng với số tiền là 61.759.269.623 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Giấy Việt Nam (*)	0,00%	-	24.500.850.000
Ông Bùi Kỳ Phát	6,17%	3.638.550.000	3.638.550.000
Ông Bùi Quốc Giang	15,01%	8.850.000.000	
Ông Tạ Quốc Bình	12,42%	7.322.280.000	-
Ông Võ Sỹ Dờng	5,61%	3.307.600.000	3.307.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	60,79%	35.842.570.000	27.514.000.000
Cộng	100%	58.961.000.000	58.961.000.000

Ngày 21/10/2015, Tổng công ty Giấy Việt Nam, cổ đông nắm giữ 41,55% vốn điều lệ đã chào bán thành công toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia cổ tức và phân phối lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	58.961.000.000	58.961.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	58.961.000.000	58.961.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.177.476.174	73.957.263.992
Phân phối lợi nhuận năm trước	22.177.476.174	12.197.994.369
- Trích quỹ quỹ đầu tư phát triển	4.900.411.071	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.806.130.187	-
- Chia cổ tức	11.792.200.000	9.433.760.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.678.734.916	1.219.799.437
- Bù đắp tổn thất khoản phải thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	1.544.434.932
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	61.759.269.623
- Bù đắp tổn thất khoản phải thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	61.759.269.623

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.896.100	5.896.100
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
- Đối tượng Hoàng Đình Thắng	83.706.163.837	-
Ngoại tệ		
- USD	1.097,25	1.110,45

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	493.146.493.086	470.460.970.143
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.849.978.529	225.536.969.141
Cộng	<u>516.996.471.615</u>	<u>695.997.939.284</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	47.668.978	53.401.600

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	20.664.980.863	19.654.710.579
Hàng bán bị trả lại	257.278.967	2.651.000.876
Cộng	<u>20.922.259.830</u>	<u>22.305.711.455</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng	355.605.580.271	348.112.335.868
Giá vốn cung cấp dịch vụ	(11.550.088.916)	135.057.895.351
<i>Trong đó</i>		
<i>Giá vốn cho Công ty Thuận An Buiding thuê</i>	<i>(25.197.044.918)</i>	<i>130.510.844.006</i>
<i>Giá vốn cung cấp dịch vụ khác</i>	<i>13.646.956.002</i>	<i>4.547.051.345</i>
Cộng	<u>344.055.491.355</u>	<u>483.170.231.219</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	461.390.256	363.385.400
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.690.191	1.238.084
Cộng	466.080.447	364.623.484

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.817.333.860	4.963.687.206
Chi phí tài chính khác	168.451.800	343.243.424
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	576.039	-
Cộng	3.986.361.699	5.306.930.630

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	11.647.308.355	11.803.255.672
Chi phí khấu hao TSCĐ	934.094.161	1.068.512.496
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	61.764.025	139.742.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.228.992.930	10.383.485.037
Chi phí khác	53.172.554.223	42.498.899.402
Cộng	74.044.713.694	65.893.894.656

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.111.282.246	6.833.059.952
Chi phí khấu hao TSCĐ	905.217.012	916.830.969
Chi phí đồ dùng văn phòng	805.482.018	203.825.577
Dự phòng phải thu khó đòi	925.497.623	258.802.194
Thuế, phí, lệ phí	289.480.171	319.339.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.536.977.026	1.628.868.622
Chi phí bằng tiền khác	7.766.897.724	3.360.343.052
Cộng	20.340.833.820	13.521.069.850

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	276.511.521.363	220.932.027.303
Chi phí nhân công	42.374.109.852	38.048.911.734
Chi phí khấu hao	8.085.717.094	7.617.463.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.589.188.714	14.804.640.456
Chi phí khác bằng tiền	65.579.690.294	53.198.404.470
Cộng	409.140.227.317	334.601.447.917

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi Thanh lý TSCĐ	130.394.540	1.008.130.762
Tiền thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	1.165.259.482	-
Điều chỉnh vật tư thừa khi kiểm kê	1.088.119.089	722.610.319
Thu bán phế liệu	195.454.546	560.127.896
Các khoản khác	72.954.832	26.439.053
Cộng	2.652.182.489	2.317.308.030

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Điều chỉnh vật tư thiếu khi kiểm kê	843.892.188	653.924.181
Các khoản chi phí khác	427.561.136	76.941.196
Cộng	1.271.453.324	730.865.377

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	55.493.620.829	107.751.167.611
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	1.209.957.458	343.782.786
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.041.888.949	-
Thu nhập chịu thuế trong năm	52.661.689.338	108.094.950.397
Thuế suất	22%	22%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.585.571.654	23.780.889.087
Thuế TNDN truy thu của năm trước	699.355.924	33.532.727
Chi phí thuế TNDN	12.284.927.578	23.814.421.814

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.208.693.251	83.936.745.797
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.208.693.251	83.936.745.797
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	4.320.869.325	1.678.734.916
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.896.100	5.896.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.596	13.951

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 là số trích theo dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2015 được phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2015/NQ –ĐHCĐCĐ ngày 18/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, theo đó dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế.

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Tổng công ty Giấy Việt Nam là cổ đông nắm giữ 41,55% vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm ngày 21/10/2015. Kể từ ngày 22/10/2015, Tổng Công ty Giấy Việt Nam đã thoái toàn bộ số vốn ra khỏi Công ty nên không còn là bên liên quan của Công ty. Theo đó, Công ty không trình bày giao dịch và số dư với Tổng công ty Giấy Việt Nam.

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh đã nêu trên của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	3.894.770.913	2.885.158.077
Thu nhập của Ban điều hành	1.699.001.521	1.311.881.875
Hội đồng quản trị	336.000.000	342.900.000
Ban Tổng giám đốc	1.363.001.521	968.981.875

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh Số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015	Giá trị ghi sổ 01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.669.374.388	8.143.980.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.263.482.858	44.134.600.391
Tài sản tài chính khác	399.286.864	1.041.272.380
Cộng	35.332.144.110	53.319.853.291
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	65.187.962.383	83.587.180.348
Phải trả người bán và phải trả khác	111.418.012.261	100.848.693.972
Chi phí phải trả	52.061.653.028	78.130.026.256
Công nợ tài chính khác	6.033.475.082	5.205.640.677
Cộng	234.701.102.754	267.771.541.253

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	24.045.120	23.741.421	-	802.627.351
Euro (EUR)	-	-	34.230.028	-

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 là 2.091.431.263 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 86.037.356.959 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	65.187.962.383	-	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	58.109.486.828	53.308.525.433	111.418.012.261
Chi phí phải trả	3.103.772.254	48.957.880.774	52.061.653.028
Công nợ tài chính khác	4.815.858.740	1.217.616.342	6.033.475.082
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	83.587.180.348	-	83.587.180.348
Phải trả người bán và phải trả khác	48.757.784.881	52.090.909.091	100.848.693.972
Chi phí phải trả	1.543.824.145	76.586.202.111	78.130.026.256
Công nợ tài chính khác	5.205.640.677	-	5.205.640.677

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.669.374.388	-	16.669.374.388
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.263.482.858	-	18.263.482.858
Tài sản tài chính khác	100.520.000	298.766.864	399.286.864
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.143.980.520	-	8.143.980.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.164.309.955	14.970.290.436	44.134.600.391
Tài sản tài chính khác	650.660.028	390.612.352	1.041.272.380

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Bảng cân đối kế toán**

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2015	31/12/2014	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Phải thu ngắn hạn khác	136	91.397.466.118	90.406.745.529	990.720.589
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	990.720.589	(990.720.589)
Phải thu dài hạn khác	216	15.360.902.788	14.970.290.436	390.612.352
Tài sản dài hạn khác	268	-	390.612.352	(390.612.352)
Cộng		106.758.368.906	106.758.368.906	-
NỢ PHẢI TRẢ				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	50.164.759	-	50.164.759
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	76.329.619.716	76.379.784.475	(50.164.759)
Cộng		133.702.199.691	133.702.199.691	-

Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu		Năm 2014	Năm 2014	Ảnh hưởng
		phân loại lại	trước phân loại	VND
		VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	695.997.939.284	716.301.403.767	(20.303.464.483)
Gía vốn hàng bán	25	483.170.231.219	483.190.181.941	(19.950.722)
Chi phí bán hàng	28	65.893.894.656	85.973.849.635	(20.079.954.979)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	13.521.069.850	13.724.628.632	(203.558.782)
Thu nhập khác	31	2.317.308.030	2.605.641.815	(288.333.785)
Chi phí khác	32	730.865.377	1.019.199.162	(288.333.785)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập



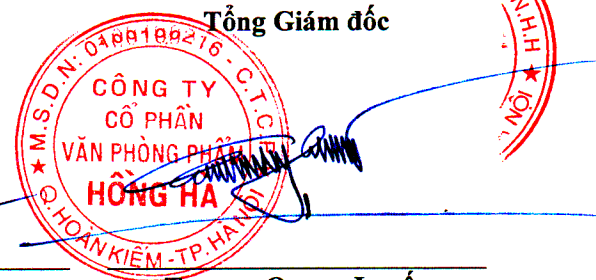
Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến